

QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Đỗ Đình Hiệu^{1*}, Đỗ Thị Tám², Mai Văn Phấn³

¹*Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Chi nhánh Thanh Hóa*

²*Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

³*Tổng cục Quản lý đất đai*

*Tác giả liên hệ: dohieudd@gmail.com

Ngày nhận bài: 13.09.2022

Ngày chấp nhận đăng: 21.10.2022

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý sử dụng đất hiệu quả trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Thọ Xuân. Nghiên cứu sử dụng các phương pháp: điều tra thứ cấp, điều tra sơ cấp, đánh giá theo thang đo 5 cấp của Likert, đánh giá theo chỉ tiêu sử dụng đất. Sử dụng phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên chọn 100 cán bộ để điều tra. Về thực hiện quy hoạch sử dụng đất có 9/30 chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện đạt mức rất tốt, 5/30 chỉ tiêu đạt mức tốt, 3/30 chỉ tiêu ở mức trung bình; và 13/30 chỉ tiêu ở mức kém và rất kém. Về quản lý sử dụng đất có 2/12 tiêu chí được đánh giá ở mức rất tốt; có 7/12 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt; có 2/12 tiêu chí được đánh giá ở mức trung bình và 1/12 tiêu chí được đánh giá ở mức kém. Để nâng cao hiệu quả quản lý sử dụng đất cần tăng cường sự thống nhất, tính liên kết của quy hoạch; giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy hoạch; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tổng thể; lập kế hoạch và phân loại các dự án sử dụng đất, tăng cường tuyên truyền, phổ biến; tăng khả năng tiếp cận đất đai.

Từ khóa: Quản lý đất đai, xây dựng nông thôn mới, huyện Thọ Xuân.

Land use Management in the New Rural Construction in Tho Xuan District, Thanh Hoa Province

ABSTRACT

The study aimed to assess the current situation and propose solutions for effective land use management in new rural construction in the Tho Xuan district. The research used the following methods: primary and secondary survey, evaluation according to Likert's 5-level scale, and assessment according to land use criteria. Using the random sampling method, 100 officers were selected for the survey. Regarding the implementation of land use planning, there were 9/30 land use indicators achieved at a very good level, 5/30 of them were good, 3/30 were at an average level, and 13/30 indicators were poor and very poor. Regarding land use management, 2/12 criteria were evaluated as very good; 7/12 criteria were rated as good; there were 2/12 criteria rated at an average level, and 01 criteria rated at poor level. Some solutions were proposed to improve the efficiency of land use management in new rural construction. To improve the efficiency of land use management, it is necessary to strengthen the unity and coherence of planning; monitor rigidly the implementation of the planning; build a master land database; plan and classify land use projects, strengthen propaganda and dissemination; and increase access to land.

Keywords: Land management, new rural construction, Tho Xuan district.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất không thể thay thế trong nông nghiệp, là tài sản vô giá giúp nông dân đảm bảo

sinh kế, tạo nhiều cơ hội lựa chọn và chuyển đổi sinh kế. Tiếp cận, sử dụng và kiểm soát đất đai là vấn đề trung tâm của văn hóa, lịch sử, sinh kế và bản sắc của người Việt Nam (Oxfam Vietnam, 2012) và là điều kiện cần thiết để phát

triển nông nghiệp và nông thôn bền vững. Có tới 9/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới (XDNTM) có liên quan trực tiếp đến phân bổ và sử dụng quỹ đất. Đó là các tiêu chí thuộc nhóm quy hoạch và thực hiện quy hoạch, nhóm hạ tầng kinh tế - xã hội. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ đất nước (Ban chấp hành Trung ương Đảng, 2022). Đến tháng 7/2021, cả nước đã có 64,6% số xã đạt chuẩn NTM (Tổng cục Thống kê, 2021). Tuy nhiên “Một số cơ chế, chính sách chậm ban hành, chưa sát thực tiễn, thiếu nguồn lực thực hiện, chậm sửa đổi, bổ sung, nhất là về đất đai...”; (Ban chấp hành Trung ương Đảng, 2022^a); công tác quản lý và sử dụng đất còn nhiều hạn chế (Ban chấp hành Trung ương Đảng, 2022^b). Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII khẳng định “Cơ cấu lại nông nghiệp, phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng NTM theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh”. Nghị quyết số 19-NQ/TW nhấn mạnh “Xây dựng nông thôn hiện đại, phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, văn minh và đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững”.

Tại tỉnh Thanh Hóa khi triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia XDNTM (năm 2010), trung bình mỗi xã chỉ đạt 4,7 tiêu chí NTM. Đến cuối năm 2021, trung bình cả tỉnh đã đạt 17,7 tiêu chí/xã, trong đó 12 đơn vị cấp huyện; 346 xã, 902 thôn, bản đạt chuẩn NTM; 56 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; 09 xã và 234 thôn, bản đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

Huyện Thọ Xuân thực hiện XDNTM từ năm 2011. Tính đến năm 2019 đã có 36/36 xã đạt chuẩn NTM và huyện đã đạt chuẩn huyện NTM. UBND huyện chỉ đạo các xã duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM và tiếp tục XDNTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và việc hình thành các khu đô thị mới trên địa bàn huyện đã gây áp lực lớn đối với đất đai. Do vậy việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý SĐĐ góp phần tạo cơ sở cho việc lập chiến lược SĐĐ dài hạn hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm phục vụ chương trình XDNTM là rất cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Phương pháp thu thập số liệu*: Số liệu thứ cấp được kế thừa, thu thập từ các phòng ban, các đơn vị trong huyện. Số liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra 100 cán bộ gồm 50 cán bộ chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp, địa chính, xây dựng (mỗi xã từ 1-2 người và từ các phòng ban chuyên môn tại huyện) và 50 cán bộ quản lý là chủ tịch, phó chủ tịch xã (mỗi xã 2 người) tại huyện Thọ Xuân với các tiêu chí như tình bày trong bảng 4.

- *Phương pháp phân vùng*: Kế thừa việc phân vùng huyện Thọ Xuân thành ba vùng kinh tế động lực theo Nghị quyết số 786/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Phương pháp xử lý số liệu*: Sử dụng SPSS để tổng hợp, phân nhóm, phân tích và xử lý các số liệu điều tra. Kết quả thực hiện QHSĐĐ được đánh giá bằng việc so sánh chỉ tiêu SĐĐ giữa kết quả thực hiện với QHSĐĐ đã duyệt. Bao gồm so sánh giá trị tuyệt đối (theo ha) và so sánh tương đối (tỉ lệ %). Về tỉ lệ % được chia thành các nhóm theo tỉ lệ chênh lệch d (d được tính bằng giá trị tuyệt đối của hiệu số giữa tỉ lệ thực hiện và QH) với 5 mức đánh giá: $|d| < 10\%$ - tương ứng với mức rất tốt; $|d| = 10-20\%$ - mức tốt; $|d| = 20,01-30\%$ - mức trung bình; $|d| = 30,01-40\%$ - mức kém và $|d| > 40\%$ mức rất kém. Sử dụng thang đo 5 mức của Likert (Likert, 1932; Hoàng Trọng & cs., 2008) để đánh giá quản lý SĐĐ trong XDNTM, với 5 mức độ có giá trị từ 1-5 điểm. Chỉ số đánh giá chung là số bình quân gia quyền của số lượng người trả lời và hệ số của từng mức độ áp dụng. Thang đánh giá chung là: Rất cao/rất tốt: $> 4,20$; Cao/tốt: $3,40-4,19$; Trung bình: $2,60-3,39$; Thấp/kém: $1,80-2,59$; Rất thấp/rất kém: $< 1,80$. Sử dụng kiểm định T-test để kiểm định sự sai khác về một số chỉ tiêu giữa các đối tượng điều tra. Nếu $P\text{-value (sig.)} \leq \alpha$ (mức ý nghĩa), bác bỏ giả thuyết thống kê H_0 , nghĩa là có sự khác biệt của chỉ tiêu nghiên cứu giữa các đối tượng ở mức độ tin cậy $100\% - \alpha$. Nếu $P\text{-value (sig.)} > \alpha$, chấp nhận giả thiết H_0 , nghĩa là không có sự khác biệt của chỉ tiêu nghiên cứu giữa các đối tượng ở

mức độ tin cậy 100% - α . Trong nghiên cứu này $\alpha = 0,05$, tương ứng với mức ý nghĩa 95%.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu và kết quả xây dựng nông thôn mới huyện Thọ Xuân

Huyện Thọ Xuân nằm cách thành phố Thanh Hoá 36km về phía Đông với diện tích tự nhiên là 29.229,4ha, dân số 199.064 người, mật độ dân số là 681 người/km². Năm 2010, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 13,7%; đến năm 2020 đạt 16,36 %, năm 2021 đạt 16,50%. Cơ cấu kinh tế huyện có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản và dịch vụ - thương mại. Năm 2021 ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản tăng 4,7%; ngành công nghiệp - xây dựng tăng 21,3%; ngành dịch vụ tăng 12,2% (UBND huyện Thọ Xuân, 2022^a).

Số liệu bảng 1, 2 cho thấy trước khi XDNTM (năm 2010), 36/36 xã của huyện đều chưa đạt chuẩn NTM. Trung bình mỗi xã chỉ đạt 5,7 tiêu chí, cao nhất là xã Xuân Giang đạt 10 tiêu chí và thấp nhất là xã Xuân Sơn chỉ đạt duy nhất một tiêu chí. Sau khi được công nhận đạt chuẩn NTM theo Quyết định số 1238/QĐ-TTg, huyện tiếp tục thực hiện XD NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu. Theo Nghị quyết 786/NQ-UBTVQH14, ngày 16/10/2019 của Quốc hội huyện Thọ Xuân sáp nhập thành 27 xã và 3 thị trấn và phân thành ba vùng. Năm 2021, theo Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND huyện có 9/26 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 15/15 tiêu chí), và 02/26 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (đạt 13/13 tiêu chí). Riêng xã Xuân Lai không làm NTM (UBND huyện Thọ Xuân, 2021^a). Huyện đạt 10/26 chỉ tiêu và 5/9 tiêu chí huyện NTM nâng cao, gồm: Quy hoạch (QH); giao thông; thủy lợi và phòng, chống thiên tai; điện; y tế - văn hóa - giáo dục; kinh tế; môi trường; chất lượng môi trường sống; hệ thống chính trị - an ninh trật tự - hành chính công.

Huyện phấn đấu hoàn thành 100% xã đạt chuẩn NTM nâng cao trước năm 2025 theo

Quyết định 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng chính phủ và 10 xã trở lên đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu. Huyện sẽ trở thành thị xã trước năm 2030 (Huyện ủy huyện Thọ Xuân, 2020).

3.2. Quản lý sử dụng đất trong xây dựng nông thôn mới huyện Thọ Xuân

3.2.1. Tình hình quản lý sử dụng đất

Công tác quản lý SDD tại huyện được thực hiện theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai được (Điều 22, Luật Đất đai năm 2013). Cả 30/30 xã, thị trấn (sau khi sáp nhập) đã được đo vẽ bản đồ địa chính. Trong đó, 24 xã, thị trấn có bản đồ địa chính dạng số hoàn chỉnh, 11 xã có bản đồ địa chính thổ cư dạng số, bản đồ nông nghiệp dạng giấy (trong đó chỉ có 6 xã có bản đồ dạng giấy hoàn chỉnh). Riêng xã Thọ Xương chưa đo khép kín ranh giới (UBND huyện Thọ Xuân, 2021b). QH, KHSDD đã được rà soát điều chỉnh, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện và được công bố rộng rãi. Đẩy mạnh cải cách hành chính tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ dự án, nhất là các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng, các dự án trọng điểm. Việc giao đất, cho thuê đất phù hợp QH, KHSDD và QH XDNTM. Huyện thực hiện cơ chế “một cửa” và công khai các thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin vào đăng ký và quản lý đất đai. Riêng năm 2021 UBND huyện đã tổ chức rà soát, đề xuất tỉnh điều chỉnh giảm 50 dự án so với KH, với diện tích 32,49ha; bổ sung mới 13 dự án, với diện tích 36,67ha. Thực hiện đo đạc kiểm đếm 44/96 dự án, với diện tích 181,94/135,31ha; đã lập phương án bồi thường 162,29ha; diện tích đã hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng là 113,99/135,31ha, đạt 84,24% (UBND huyện Thọ Xuân, 2021c). Tuy nhiên, công nghệ quản lý hồ sơ địa chính lạc hậu và chưa được đầu tư trang thiết bị đầy đủ. Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn do giá bồi thường đất thấp. Xử lý việc lấn, chiếm đất đai ở một số xã còn chậm. Công tác thanh tra, kiểm tra chưa được thực hiện thường xuyên (UBND huyện Thọ Xuân, 2021b).

Bảng 1. Kết quả thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM huyện Thọ Xuân đến năm 2018

TT	Tên xã	Năm 2010							Năm đạt chuẩn NTM
		Quy hoạch	Hạ tầng kinh tế và xã hội	Kinh tế và tổ chức sản xuất	Văn hóa, xã hội, môi trường	Hệ thống chính trị	Số tiêu chí đạt	Số tiêu chí chưa đạt	
V1	Vùng kinh tế động lực Lam Sơn - Sao Vàng								
1	Thọ Lâm	0/3	1/8	1/4	0/4	2/2	5	14	2018
2	Xuân Quang	0/3	1/8	2/4	1/4	2/2	6	13	2015
3	Xuân Sơn	0/3	0/8	0/4	0/4	1/2	1	18	2018
4	Thọ Diên	0/3	3/8	0/4	0/4	2/2	5	14	2018
5	Xuân Hưng	0/3	1/8	0/4	0/4	2/2	4	15	2017
6	Thọ Xương	0/3	3/8	1/4	2/4	2/2	7	12	2013
7	Xuân Bái	0/3	2/8	1/4	1/4	2/2	6	13	2017
8	Xuân Phú	0/3	0/8	0/4	1/4	2/2	3	16	2018
9	Xuân Lam	0/3	3/8	2/4	1/4	2/2	8	11	2015
V2	Vùng kinh tế động lực Đông hữu ngạn sông Chu								
1	Xuân Phong	0/3	2/8	0/4	1/4	2/2	5	14	2017
2	Thọ Nguyên	0/3	1/8	1/4	0/4	2/2	4	15	2016
3	Xuân Thành	0/3	1/8	1/4	2/4	2/2	6	13	2014
4	Xuân Khánh	0/3	1/8	1/4	1/4	1/2	4	15	2017
5	Bắc Lương	0/3	2/8	0/4	1/4	2/2	5	14	2016
6	Nam Giang	0/3	2/8	1/4	0/4	2/2	5	14	2016
7	Thọ Lộc	0/3	2/8	0/4	1/4	2/2	5	14	2017
8	Xuân Trường	0/3	4/8	0/4	1/4	2/2	7	12	2016
9	Thọ Hải	0/3	2/8	0/4	1/4	2/2	5	14	2017
10	Xuân Hòa	0/3	3/8	1/4	0/4	2/2	6	13	2014
11	Tây Hồ	0/3	2/8	1/4	1/4	2/2	6	13	2016
12	Xuân Giang	0/3	4/8	1/4	3/4	2/2	10	9	2013
13	Hạnh Phúc	0/3	3/8	1/4	2/4	2/2	8	11	2014
V3	Vùng kinh tế động lực tả ngạn sông Chu								
1	Xuân Minh	0/3	2/8	1/4	1/4	2/2	6	13	2015
2	Phú Yên	0/3	2/8	0/4	0/4	2/2	4	15	2017
3	Xuân Yên	0/3	2/8	0/4	1/4	0/2	3	16	2017
4	Thọ Trường	0/3	1/8	1/4	0/4	2/2	4	15	2017
5	Xuân Vinh	0/3	3/8	1/4	0/4	2/2	6	13	2016
6	Xuân Tân	0/3	1/8	1/4	1/4	2/2	5	14	2017
7	Xuân Tín	0/3	2/8	1/4	0/4	2/2	5	14	2016
8	Quảng Phú	0/3	2/8	0/4	0/4	2/2	4	15	2018
9	Thọ Lập	0/3	2/8	1/4	0/4	2/2	5	14	2018
10	Thọ Minh	0/3	1/8	0/4	0/4	2/2	3	16	2017
11	Xuân Châu	0/3	1/8	1/4	1/4	2/2	5	14	2016
12	Xuân Lập	0/3	2/8	0/4	0/4	2/2	4	15	2017
13	Thọ Thắng	0/3	1/8	0/4	0/4	2/2	3	16	2018
14	Xuân Thiên	0/3	2/8	1/4	0/4	1/2	4	15	2018

Nguồn: UBND huyện Thọ Xuân (2019).

Bảng 2. Kết quả xây dựng nông thôn mới đến năm 2021 huyện Thọ Xuân

STT	Tên xã mới	NTM nâng cao		NTM kiểu mẫu	
		Tiêu chí đã đạt	Năm đạt chuẩn	Tiêu chí đã đạt	Năm đạt chuẩn
V1	Vùng kinh tế động lực Lam Sơn - Sao Vàng				
1	Thọ Lâm	15/15	2021	5/13	
2	Xuân Sinh (Xuân Quang, Xuân Sơn)	9/15		6/13	
3	Thọ Diên	9/15		5/13	
4	Xuân Hưng	9/15		5/13	
5	Thọ Xương	15/15	2021	7/13	
6	Xuân Bái	15/15	2020	9/13	
7	Xuân Phú	8/15		5/13	
V2	Vùng kinh tế động lực Đông hữu ngạn sông Chu				
1	Xuân Phong	7/15		5/13	
2	Xuân Hồng (Thọ Nguyên, Xuân Thành, Xuân Khánh)	9/15		8/13	
3	Bắc Lương	15/15	2020	13/13	2021
4	Nam Giang	10/15		7/13	
5	Thọ Lộc	9/15		6/13	
6	Xuân Trường	15/15	2021	7/13	
7	Thọ Hải	15/15	2021	6/13	
8	Xuân Hòa	15/15	2020	13/13	2021
9	Tây Hồ	15/15	2020	9/13	
10	Xuân Giang	15/15	2021	8/13	
V3	Vùng kinh tế động lực tả ngạn sông Chu				
1	Xuân Minh	11/15		7/13	
2	Phú Xuân (Phú Yên, Xuân Yên)	9/15		5/13	
3	Trường Xuân (Thọ Trường, Xuân Vinh, Xuân Tân)	9/15		6/13	
4	Xuân Tín	10/15		6/13	
5	Quảng Phú	8/15		4/13	
6	Thọ Lập	15/15	2020	7/13	
7	Thuận Minh (Thọ Minh, Xuân Châu)	8/15		5/13	
8	Xuân Lập (Xuân Lập, Thọ Thắng)	10/15		6/13	
9	Xuân Thiên	7/15		4/13	

Năm 2021, huyện có 29.229,40ha; trong đó: đất nông nghiệp là 19.411,30ha, chiếm 66,41%; đất phi nông nghiệp là 9.376,16ha, chiếm 32,08%; đất chưa sử dụng là 441,94ha chiếm 1,51%. Diện tích giao theo đối tượng SĐĐ là 24.567,88ha. Trong đó: hộ gia đình cá nhân trong nước là 16.867,38ha, tổ chức kinh tế là 3.108,72ha, cơ quan đơn vị nhà nước là 4.322,87ha, tổ chức sự nghiệp công lập là 252,77ha, cộng đồng dân cư và

cơ sở tôn giáo là 16,13ha. Diện tích đất theo đối tượng quản lý là 4.661,53ha.

Thay đổi SĐĐ trong XDNTM giai đoạn 2010-2021 theo xu hướng tăng diện tích đất nông nghiệp và phi nông nghiệp, giảm diện tích đất chưa sử dụng. Đây là sự chuyển biến tích cực trong việc khai thác SĐĐ để phù hợp với quá trình XDNTM. Diện tích tự nhiên năm 2021 giảm 96,89ha so với năm 2010 do sai số trong

các kì kiểm kê, do rà soát địa giới, do sử dụng phần mềm thống kê, do xuất số liệu từ bản đồ... Đất nông nghiệp có 19.411,3ha, tăng 334,45ha so với năm 2010, do khai thác từ đất chưa sử dụng và do xác định lại tiêu chí loại đất theo thống kê, kiểm kê. Đất rừng phòng hộ giảm 94,00ha do rà soát lại tiêu chí đất rừng tại xã Xuân Sinh, xã Thọ Lâm. Đất phi nông nghiệp là 9.376,16ha, tăng 421,10ha so với năm 2010, do chuyển từ đất nông nghiệp và khai thác đất chưa sử dụng. Đất khu công nghiệp giảm 28,45ha do rà soát lại tiêu chí loại đất (năm 2010 thống kê đất thương mại dịch vụ và đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp vào đất khu công nghiệp). Sự không thống nhất một số chỉ tiêu SDD trong các kỳ kiểm kê đất đai đã làm cho việc theo dõi, kiểm soát SDD gặp nhiều khó khăn. Đất thương mại dịch vụ tăng 98,43ha do chuyển từ đất nông nghiệp sang và do rà soát lại tiêu chí loại đất. Đất sinh hoạt cộng đồng giảm 26,93ha, do rà soát lại tiêu chí loại đất theo quy định mới. Đất chưa sử dụng là 441,94ha; giảm 852,44ha do khai thác đưa vào sử dụng.

3.2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2021

Trong quá trình XDNTM việc thực hiện các chỉ tiêu SDD theo QH nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và đạt chuẩn các tiêu chí là rất quan trọng.

Diện tích tự nhiên giảm 0,09ha do sai lệch trong kiểm kê đất đai. Chỉ tiêu đất nông nghiệp đến năm 2020 được duyệt là 18.648,67ha; kết quả thực hiện là 19.424,74ha, đạt 104,13%. Trong đó có 4/8 chỉ tiêu vượt QH, nhiều nhất là chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm vượt 37,40% và đất nông nghiệp khác vượt 29,21% (Bảng 3). Nguyên nhân là do việc mở rộng các mô hình trang trại theo QH XDNTM và do một số dự án lớn chưa thực hiện thu hồi đất do thiếu vốn.

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp đến năm 2020 là 10.260,87ha, thực hiện là 9.367,52ha, đạt 91,29%. Còn 893,35ha chưa thực hiện được chủ yếu là đất khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp, đất phát triển hạ tầng, đất thương mại dịch vụ, đất bãi thải, xử lý chất thải,... Đáng chú

ý là chỉ tiêu đất ở tại đô thị tăng 132,78% so với QH; đất phi nông nghiệp khác tăng 383,80%. Điều đó phản ánh xu thế đô thị hóa đang diễn ra rất mạnh trong quá trình XDNTM tại huyện. Một số loại đất không thực hiện được diện tích nào như đất khu công nghiệp, đất cụm công nghiệp, đất sinh hoạt cộng đồng. Một số loại đất phát sinh như đất khu vui chơi, giải trí công cộng. Qua đó cho thấy việc dự báo nhu cầu đất phi nông nghiệp chưa sát với thực tế của huyện. Việc khai thác đất chưa sử dụng chưa tốt, QH với diện tích là 319,95ha, thực hiện đến là 442,24ha. Như vậy, trong tổng số 30 chỉ tiêu được xét (7 chỉ tiêu đất nông nghiệp và 23 chỉ tiêu đất phi nông nghiệp), thì có 9 chỉ tiêu đạt mức thực hiện rất tốt ($|d| < 10\%$ so với QH) chiếm 26,67%; 5 chỉ tiêu đạt mức thực hiện tốt ($|d|$ từ 10-20%) chiếm 16,67%; 3 chỉ tiêu ở mức trung bình ($|d|$ từ 20-30%); và có tới 13 chỉ tiêu ở mức kém và rất kém chiếm tới 43,33% tổng số chỉ tiêu đánh giá. Do vậy cần có giải pháp để nâng cao tính khả thi và hiệu quả thực hiện phương án QHSDĐ.

Tỷ lệ thực hiện các công trình, dự án theo KHSDĐ năm 2021 là rất thấp với 35/211 dự án đạt 16,59% và 108,79/636,44ha đạt 17,09% về diện tích (UBND huyện Thọ Xuân, 2022^b). Đất nông nghiệp thực hiện đạt 103,11% kế hoạch. Chỉ tiêu đất nông nghiệp khác thấp hơn kế hoạch 17,14ha do chưa thực hiện các dự án trang trại. Đất phi nông nghiệp thực hiện đạt 94,07% kế hoạch. Có 14/18 chỉ tiêu không đạt kế hoạch, trong đó có đất khu công nghiệp và đất cụm công nghiệp không thực hiện. Đất chưa sử dụng thực hiện đạt 101,52% kế hoạch, còn 6,61ha do chưa thực hiện chuyển mục đích khác.

3.3. Đánh giá của cán bộ về quản lý sử dụng đất trong XD NTM huyện Thọ Xuân

Số liệu bảng 4 cho thấy cán bộ đánh giá công tác quản lý SDD trong XDNTM huyện Thọ Xuân tương đối tốt (trung bình chung là 3,6 điểm) và có sự khác nhau giữa hai nhóm (Bảng 4). Nhóm cán bộ chuyên môn đánh giá ở mức tốt với 3,45 điểm và thấp hơn nhóm cán bộ quản lý với 3,76 điểm do các cán bộ chuyên môn là người trực tiếp tiếp nhận và xử lý các nhiệm vụ chi tiết nên họ nắm bắt được cụ thể các vấn đề.

Bảng 3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2020

Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích QH đến năm 2020 được duyệt	Kết quả thực hiện			
			Diện tích năm 2020 (ha)	Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ thực hiện/QH (%)	Chênh lệch (d) thực hiện – QH (%)
Tổng diện tích tự nhiên		29.229,49	29.229,40	-0,09	100,00	0,00
ĐẤT NÔNG NGHIỆP	NNP	18.648,67	19.419,64	770,97	104,13	4,13
Đất trồng lúa	LUA	8.671,73	8.731,9	60,17	100,69	0,69
Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	8.368,22	8.346,6	-21,62	99,74	-0,26
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.650,19	4.927,66	277,47	105,97	5,97
Đất trồng cây lâu năm	CLN	1.657,04	2.276,78	619,74	137,40	37,40
Đất rừng phòng hộ	RPH	-	-	-	-	-
Đất rừng đặc dụng	RDD	66,97	66,97	0	99,99	-0,01
Đất rừng sản xuất	RSX	2.621,00	2.446,95	-174,05	93,36	-6,64
Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	663,36	557,23	-106,13	84,00	-16,00
Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-
Đất nông nghiệp khác	NKH	318,99	412,16	93,17	129,21	29,21
ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	PNN	10.260,87	9.367,52	-893,35	91,29	-8,71
Đất quốc phòng	CQP	754,43	750,64	-3,79	99,50	-0,50
Đất an ninh	CAN	3,52	2,90	-0,62	82,25	-17,75
Đất khu công nghiệp	SKK	550,00	0	-550,00	0,00	-100,00
Đất khu chế xuất	SKT	-	-	-	-	-
Đất cụm công nghiệp	SKN	42,00	0	-42,00	0,00	-100,00
Đất thương mại, dịch vụ	TMD	169,41	98,08	-71,33	57,90	-42,10
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	164,45	130,25	-34,20	79,20	-20,80
Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	37,21	6,96	-30,25	18,70	-81,30
Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	3.285,04	3.174,57	-110,47	96,64	-3,36
Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	194,21	60,1	-134,11	30,95	-69,05
Đất danh lam, thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	48,48	24,67	-23,81	50,90	-49,10
Đất ở tại nông thôn	ONT	3.209,29	3.011,67	-197,62	93,84	-6,16
Đất ở tại đô thị	ODT	150,98	351,45	200,47	232,78	132,78
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,77	22,54	-1,23	94,83	-5,17
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	17,03	13,43	-3,06	78,86	-21,14
Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	-	-	-	-	-
Đất cơ sở tôn giáo	TON	9,22	10,39	1,17	112,69	12,69
Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	283,59	241,53	-42,06	85,17	-14,83
Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm gốm sứ	SKX	56,98	46,32	-10,66	81,29	-18,71
Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	34,89	0	-34,89	0,00	-100,00
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,00	6,81	6,81	0,00	100,00
Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	12,14	5,77	-6,37	47,55	-52,45
Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.000,32	1.067,86	67,54	106,75	6,75
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	213,30	338,62	125,32	158,75	58,75
Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,61	2,95	2,34	483,80	383,80
ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG	CSD	319,95	442,24	122,29	138,22	38,22

Bảng 4. Đánh giá của cán bộ về quản lý sử dụng đất trong XDNTM

Chỉ tiêu đánh giá	TBC	Mức độ đánh giá	Đối tượng điều tra	N	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Sai số chuẩn	Sig. (2-tailed)
Hướng dẫn thực hiện văn bản	4,35	Rất đầy đủ	Cán bộ chuyên môn	50	4,26	0,694	0,098	0,182
			Cán bộ quản lý	50	4,44	0,644	0,091	
Trình tự, thủ tục thực hiện văn bản	3,68	Rõ ràng	Cán bộ chuyên môn	50	3,46	0,676	0,096	0,005
			Cán bộ quản lý	50	3,90	0,839	0,119	
Công khai văn bản	3,92	Đầy đủ	Cán bộ chuyên môn	50	3,60	0,926	0,131	0,000
			Cán bộ quản lý	50	4,24	0,716	0,101	
Kết quả thực hiện văn bản	4,30	Rất tốt	Cán bộ chuyên môn	50	4,20	0,833	0,118	0,181
			Cán bộ quản lý	50	4,40	0,639	0,090	
Sự đồng bộ giữa các QH	3,25	Trung bình	Cán bộ chuyên môn	50	3,24	0,744	0,105	0,909
			Cán bộ quản lý	50	3,26	0,986	0,139	
Sự chi tiết của QH	3,62	Chi tiết	Cán bộ chuyên môn	50	3,68	0,713	0,101	0,434
			Cán bộ quản lý	50	3,56	0,812	0,115	
Tính liên vùng của QH	2,48	Yếu	Cán bộ chuyên môn	50	2,44	0,861	0,122	0,648
			Cán bộ quản lý	50	2,52	0,886	0,125	
Các dự án SDD	3,44	Phù hợp	Cán bộ chuyên môn	50	3,24	0,687	0,097	0,005
			Cán bộ quản lý	50	3,64	0,693	0,098	
Quản lý QH	3,32	Trung bình	Cán bộ chuyên môn	50	2,96	0,880	0,124	0,000
			Cán bộ quản lý	50	3,68	0,741	0,105	
Quản lý SDD nông nghiệp	3,44	Tốt	Cán bộ chuyên môn	50	3,04	0,807	0,114	0,000
			Cán bộ quản lý	50	3,84	0,792	0,112	
Quản lý SDD phi nông nghiệp	3,95	Tốt	Cán bộ chuyên môn	50	3,90	0,789	0,112	0,519
			Cán bộ quản lý	50	4,00	0,756	0,107	
Khai thác đất chưa sử dụng	3,49	Tốt	Cán bộ chuyên môn	50	3,32	0,794	0,112	0,073
			Cán bộ quản lý	50	3,64	0,964	0,136	
Đánh giá chung	3,6	Tốt	Cán bộ chuyên môn	50	3,45	0,397	0,056	0,028
			Cán bộ quản lý	50	3,76	0,490	0,069	

Có 2/12 tiêu chí được đánh giá ở mức rất tốt (trung bình chung > 4,19 điểm) và không có sự khác nhau giữa hai đối tượng (Sig. <0,05) là hướng dẫn thực hiện văn bản và kết quả thực hiện văn bản. Điều đó cho thấy việc hướng dẫn thực hiện các văn bản về quản lý SDD trong XDNTM tại huyện được thực hiện rất đầy đủ do vậy kết quả thực hiện văn bản cũng rất tốt.

Có 7/12 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt (trung bình chung từ 3,40-4,19 điểm). Trình tự thủ tục thực hiện văn bản được đánh giá ở mức rõ ràng và có sự khác nhau giữa hai nhóm đối tượng. Nhóm cán bộ chuyên môn đánh giá ở mức 3,46 điểm thấp hơn nhóm cán bộ quản lý (3,90 điểm). Theo cán bộ chuyên môn có một số văn bản chưa bao quát hết các trường hợp có trong

thực tế hoặc có sự chồng chéo giữa các văn bản nên đôi khi việc xử lý công việc gặp khó khăn.

Việc công khai văn bản được đánh giá đầy đủ và có sự khác nhau rất rõ giữa hai nhóm. Nhóm cán bộ chuyên môn đánh giá ở mức đầy đủ với 3,60 điểm trong khi nhóm cán bộ quản lý đánh giá ở mức rất đầy đủ với 4,24 điểm. Theo cán bộ chuyên môn việc công khai văn bản cần thường xuyên với nhiều hình thức khác nhau để đảm bảo 100% người dân có thể tiếp cận với thông tin. Hiện tại hình thức chủ yếu công khai văn bản là trên trang web và tại cơ quan.

Sự chi tiết của QH được đánh giá ở mức chi tiết và không có sự khác nhau giữa hai nhóm điều tra. Các dự án SDD được đánh giá là phù hợp với 3,44 điểm và có sự khác nhau rất rõ giữa

hai nhóm. Nhóm cán bộ chuyên môn đánh giá ở mức trung bình với 3,24 điểm thấp hơn nhóm cán bộ quản lý với 3,64 điểm. Theo cán bộ chuyên môn có một số dự án phát sinh trong khi còn nhiều dự án không còn phù hợp với thực tiễn. Một số dự án SDD chưa phát huy được hiệu quả. Công tác thu hồi đất, giao đất để thực hiện XD xã NTM gặp nhiều khó khăn do chưa phân loại, bóc tách được dự án nào thuộc chương trình XDNTM, dự án nào thuộc các chương trình khác. Đất nông nghiệp được quản lý tốt và có sự khác nhau giữa hai nhóm điều tra. Nhóm cán bộ chuyên môn đánh giá ở mức trung bình với 3,04 điểm thấp hơn nhiều so với 3,84 điểm của nhóm cán bộ quản lý. Theo cán bộ chuyên môn việc quản lý chuyển đổi trong nội bộ đất nông nghiệp chưa được tốt, đặc biệt với đất trang trại và đất nông nghiệp kết hợp dịch vụ... Mặt khác, việc chuyển đổi cơ cấu SDD đã tạo ra được một số mô hình cánh đồng mẫu lớn, ứng dụng công nghệ cao nhưng việc nhân rộng các mô hình có hiệu quả còn chậm. QH đất phi nông nghiệp và việc khai thác đất chưa sử dụng ở mức tốt và không có sự khác nhau giữa hai nhóm điều tra.

Sự đồng bộ giữa các QH được đánh giá ở mức trung bình và không có sự khác nhau giữa hai nhóm điều tra. Công tác quản lý QH cũng được đánh giá trung bình và có sự khác nhau rất rõ giữa hai nhóm đối tượng, cụ thể cán bộ chuyên môn chỉ đánh giá với 2,96 điểm trong khi nhóm cán bộ quản lý đánh giá với 3,68 điểm. Theo họ, trên địa bàn huyện trong quá trình thực hiện XDNTM có quá nhiều loại QH như QHSDĐ, QH xây dựng vùng huyện, QH XDNTM, QH tổng thể phát triển KT-XH, QH chung và QH chi tiết các khu vực... Trong đó có tồn tại sự chồng chéo, thiếu đồng bộ trong một số nội dung. Điều đó gây khó khăn cho việc quản lý thực hiện QH. Mặt khác, việc điều chỉnh nội dung QHSDĐ trong QHXD xã NTM để phù hợp với QHSDĐ của cấp huyện chưa mang tính tổng thể mà chỉ điều chỉnh cục bộ ví trí một số công trình cho phù hợp với nguồn lực của địa phương.

Liên kết vùng của QH có vai trò làm tăng khả năng kết nối về mặt không gian; tăng hiệu quả quản lý; tạo lợi thế so sánh trong cạnh tranh và động lực để phát triển kinh tế - xã hội. Theo Luật Quy hoạch, phương án QHXD vùng

liên huyện, vùng huyện là một trong những nội dung của QH tỉnh. Tuy nhiên, trong nghiên cứu này tính liên vùng của QH được đánh giá là kém với 2,48 điểm và không có sự khác nhau giữa hai nhóm điều tra. Tính liên kết vùng chưa được thể hiện rõ nên một số công trình không được sử dụng hoặc chưa phát huy được lợi thế, chưa tạo nên sức mạnh tổng hợp trong XD NTM.

3.4. Giải pháp quản lý sử dụng đất trong XDNTM trên địa bàn huyện Thọ Xuân

Để tăng cường quản lý sử dụng đất trong XDNTM cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

- Cần thống nhất các loại hình QH, đảm bảo sự đồng bộ, tính liên kết để phát huy lợi thế của mỗi vùng và tạo nên sức mạnh tổng hợp trong XDNTM và nâng cao hiệu quả thực hiện QH. Cần thống nhất phân loại đất theo mục đích sử dụng trong các kỳ kiểm kê đất đai.

- Cần có quy trình và hướng dẫn thực hiện giám sát quá trình thực hiện QH, tăng cường quản lý liên ngành. Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ, thống nhất và thực hiện ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý.

- Cần phân loại và lập kế hoạch ưu tiên cho các dự án SDD tại mỗi giai đoạn để thu hút các nhà đầu tư, đặc biệt là các dự án liên quan đến SDD để phát triển sản xuất.

- Cần nghiên cứu, đánh giá và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả. Đồng thời quản lý chặt chẽ việc thay đổi cơ cấu SDD để thực hiện các mô hình, các sinh kế.

- Tăng cường tuyên truyền và phổ biến rộng rãi các văn bản quản lý SDD, làm rõ ý nghĩa vai trò của người dân trong quản lý SDD để XDNTM. Lấy sự hài lòng của người dân là một tiêu chí để đánh giá công tác quản lý SDD.

- Nghiên cứu cơ chế lấy nguồn thu từ đấu giá quyền SDD, giao đất và cho thuê đất để thực hiện XDNTM theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận đất đai. Năm 2021 huyện đứng thứ 1/27 về chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh của các Sở, Ban ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện của tỉnh Thanh Hóa. Do vậy cần tiếp tục quán triệt tinh thần cải cách

hành chính và nâng cao các chỉ số, đặc biệt là chỉ số tiếp cận đất đai.

4. KẾT LUẬN

Huyện Thọ Xuân có vị trí địa lý, khí hậu, tài nguyên đất đai, nguồn nước tương đối thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Huyện đạt chuẩn NTM năm 2019 và đến năm 2021 đã có 9 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 2 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. Trong tổng số 30 chỉ tiêu SDĐ được duyệt theo phương án QH có 9 chỉ tiêu đạt mức thực hiện rất tốt, chiếm 26,67%; 5 chỉ tiêu đạt mức tốt, chiếm 16,67%; 3 chỉ tiêu ở mức trung bình; và có tới 13 chỉ tiêu ở mức kém và rất kém chiếm tới 43,33%. Giai đoạn 2010-2020, công tác quản lý đất đai đã thực hiện tương đối tốt đã góp phần thực hiện thành công mục tiêu XDNTM của huyện. Kết quả nghiên cứu cho thấy có 2/12 tiêu chí được đánh giá ở mức rất tốt; có đến 7/12 tiêu chí được đánh giá ở mức tốt; có 2/12 tiêu chí được đánh giá ở mức trung bình và 01 tiêu chí liên kết vùng được đánh giá ở mức kém.

Để nâng cao hiệu quả quản lý SDĐ trong quá trình XDNTM cần tăng cường sự thống nhất, tính liên kết của QH; giám sát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích SDĐ theo QH; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ và ứng dụng công nghệ 4.0 trong quản lý thực hiện QH; lập kế hoạch ưu tiên cho các dự án SDĐ theo giai đoạn và tăng cường tuyên truyền và phổ biến các văn bản; tăng khả năng tiếp cận đất đai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban chấp hành Trung ương Đảng (2022^a). Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Nghi-quyet-19-NQ-TW-2022-nong-nghiep-nong-dan-nong-thon-tam-nhin-den-2045-518922.aspx> ngày 30/08/2022.
- Ban chấp hành Trung ương Đảng (2022^b). Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Nghi-quyet-18-NQ-TW-2022-hoan-thien-the-che-su-dung-dat-tao-dong-luc-phat-trien-thu-nhap-cao-518813.aspx> ngày 30/08/2022.

- Hoàng Trọng & Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Huyện Ủy Thọ Xuân (2020). Báo cáo số 339-BH/HU, ngày 15/07/2020 Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XXVI tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XXVII, nhiệm kỳ 2020-2025.
- Likert R. (1932). A Technique for the Measurement of Attitudes. Archives of Psychology. 140(55).
- Oxfam Vietnam (2012). Tăng cường tiếng nói cộng đồng để lựa chọn đúng đắn- vấn đề sử dụng đất và thay đổi quyền sử dụng đất ở miền Trung Việt Nam. Nxb Oxfarm. Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ (2019). Quyết định số 1238/QĐ-TTg ngày 24/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ công nhận huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đạt chuẩn NTM năm 2019. Truy cập từ <https://tulieu.vankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-quy-pham-phap-luat/quyet-dinh-so-1238qd-ttg-ngay-2492019-cua-thu-tuong-chinh-phu-cong-nhan-huyen-tho-xuan-tinh-thanh-hoa-dat-chuan-nong-thon-moi-nam-5727> ngày 20/08/2022.
- Tổng cục Thống kê (2021). Xây dựng NTM đạt kết quả to lớn, toàn diện và mang tính lịch sử. Truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/09/xay-dung-nong-thon-moi-dat-ket-qua-to-lon-toan-dien-va-mang-tinh-lich-su> ngày 30/07/2022.
- UBND huyện Thọ Xuân (2021^a). Báo cáo số 642/BC-UBND ngày 13/12/2021 của UBND huyện Thọ Xuân về Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2021, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm năm 2022.
- UBND huyện Thọ Xuân (2021^b). Báo cáo thuyết minh tổng hợp Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Thọ Xuân.
- UBND huyện Thọ Xuân (2021^c). Báo cáo số 651/BC-UBND Ngày 13/12/2021 về Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 2021; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.
- UBND huyện Thọ Xuân (2022^a). Niên giám thống kê huyện Thọ Xuân năm 2021.
- UBND huyện Thọ Xuân (2022^b). Tờ trình số 78/TTr-UBND Ngày 10/06/2022 về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Thọ Xuân.
- UBND tỉnh Thanh Hóa (2018). Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 10/8/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018-2020. Truy cập từ <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyet-dinh-25-2018-QD-UBND-dieu-kien-thu-tuc-ho-so-xet-cong-nhan-xa-nong-thon-moi-Thanh-Hoa-391128.aspx> ngày 20/08/2022.